TOÀ PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **96**/2026/HC- PT
Ngày: 24/3/2026
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có**:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phùng Anh Dũng.**

Các thẩm phán: Ông **Lê Văn Thường** và ông **Đặng Kim Nhân.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn** - Thư ký Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Viết Tuấn -** Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 201/2025/TLPT-HC ngày 07 tháng 11 năm 2025 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2025/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 444A/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Đặng Thị Kim H, sinh năm: 1952; Căn cước công dân số: 052152008276; Địa chỉ: Tổ G, Khu phố G, phường Q, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Đại diện ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trần Duy T, sinh năm: 1967; Địa chỉ: Tổ B, Khu phố G, phường Q, tỉnh Gia Lai (*Theo văn bản ủy quyền 21/12/2024)*. Có mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố Q.

2. Chủ tịch UBND thành phố Q.

3. Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Q, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thái D - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Q, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Tôn T1, Phó Chủ tịch UBND phường Q, tỉnh Gia Lai (*Theo văn bản ủy quyền số 02/GUQ-UBND ngày 09/9/2025*). Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ban Q1 quỹ đất Tp ..

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Ban quản lý dự án phường Q, tỉnh Gia Lai; Địa chỉ: Tổ G, khu V, phường Q, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện: Ông Võ Ngọc D1 – Phó Ban quản lý dự án phường Q, tỉnh Gia Lai; Địa chỉ: Tổ G, khu V, phường Q, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Lê Tấn H1. Vắng mặt.

3. Bà Huỳnh Thị H2. Vắng mặt.

4. Ông Lê Thành T2. Vắng mặt.

5. Bà Phan Thị Mỹ L. Vắng mặt.

6. Bà Lê Thị N2. Vắng mặt.

7. Ông Lê Văn T3. Vắng mặt.

8. Ông Trương Thành N. Vắng mặt.

9. Bà Đỗ Thị Lệ H3. Vắng mặt.

10. Ông Lê Đình H4. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Tổ G, khu V, phường Q, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai người khởi kiện bà Đặng Thị Kim H ***và đại diện theo ủy quyền của bà*** H***, ông*** Trần Duy T ***thống nhất trình bày:***

Ngày 04/9/2024, UBND thành phố Q ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 5371/QĐ-UBND, với nội dung không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của bà H, giữ nguyên Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND phường N. Xét thấy 02 Quyết định nêu trên của UBND phường N và UBND thành phố Q có nội dung giải quyết chưa đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của bà H. Bà yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai) giải quyết, xét xử theo hướng hủy các Quyết định

sau: Hủy Công văn số 527/UBND -ĐCXD ngày 17/11/2022 của UBND phường N, TP .; Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1364/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND phường N; Hủy Quyết định thu hồi đất số 4033/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của U, tỉnh Bình Định; Hủy một phần Quyết định số 4030/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của U về việc phê duyệt phương án bồi thường đất của gia đình bà H thu hồi đất làm Dự án thoát lũ Sông Dinh; Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 5371/QĐ-UBND ngày 04/9/2024 của U, tỉnh Bình Định; Buộc U giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ, cấp đất tái định cư cho gia đình bà đúng theo quy định của pháp luật.

2. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện: ông Ngô Tôn T1 ***- Phó Chủ tịch*** UBND phường Q ***trình bày:*** Thống nhất với ý kiến trình bày của ông Nguyễn Đức T4 - Phó Chủ tịch UBND thành phố Q trình bày tại Văn bản ngày 19/12/2024, cụ thể:

Những vấn đề cụ thể của người khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai) giải quyết bao gồm: Hủy Quyết định số 4033/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Q; Hủy Quyết định số 4030/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc phê duyệt phương án bồi thường của gia đình bà Đặng Thị Kim H do ảnh hưởng giải phóng mặt bằng Dự án Hệ thống tiêu thoát lũ Sông D thành phố Q; Hủy Quyết định số 5371/QĐ-UBND ngày 04/9/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Q; Buộc UBND thành phố Q giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ cấp đất tái định cư cho gia đình bà Đặng Thị Kim H theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kiểm tra hồ sơ, có ý kiến như sau:

** Về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:*

Tại Báo cáo số 185/BC-UBND ngày 04/5/2022 của UBND phường N có nội dung xác nhận: "Hộ bà Đặng Thị Kim H và các con, em, cháu cùng kê khai Lê Tấn H1; Lê Thành T2; Lê Thị N2; Trương Thành N, Địa chỉ thửa đất: tổ G, khu V, phường N, TP Q, Hộ khẩu thường trú: tổ G, khu V, phường N, TP Q. Số nhân khẩu trong hộ khẩu: 16 khẩu, số cặp vợ chồng sống trong hộ khẩu: 03, số nhân khẩu thực tế cư trú: 16"; Thửa đất bị ảnh hưởng dự án:

- Bản đồ 299: Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01, diện tích: 1.650,0m^2, loại đất thổ cư; Một phần thửa đất số 33, tờ bản đồ số 01, diện tích: 1.010,0m^2, loại đất hoang.

- Bản đồ năm 2001: Một phần thửa đất 158, tờ bản đồ số 36, diện tích: 1709,4m^2, loại đất ở; hồ sơ kỹ thuật thửa đất ghi tên chủ sử dụng: Đặng Thị Kim H; Một phần thửa đất 178, tờ bản đồ số 36, diện tích: 770,0m^2, loại đất nghĩa địa; hồ sơ kỹ thuật thửa đất ghi tên chủ sử dụng: UBND phường; Không thể hiện thửa đất, thuộc tờ bản đồ số 36, loại đất sông; Không thể hiện thửa đất, thuộc tờ bản đồ số 36, loại đất đường đê.

- Bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2021:

+ Thửa đất số: 74, tờ bản đồ số: 01, diện tích: 1.559,4m^2, loại đất: ODT + BHK (Đất ở đô thị + đất bằng trồng cây hàng năm khác), hồ sơ kỹ thuật thửa đất ghi tên chủ sử dụng: Lê Tuấn H5.

+ Thửa đất số: 83, tờ bản đồ số: 01, diện tích: 154,3m^2, loại đất: ODT + BHK (Đất ở đô thị + đất bằng trồng cây hàng năm khác), hồ sơ kỹ thuật thửa đất ghi tên chủ sử dụng: Lê Thị N2.

+ Thửa đất số: 84, tờ bản đồ số: 01, diện tích: 135,4m^2, loại đất: ODT + BHK (Đất ở đô thị + đất bằng trồng cây hàng năm khác), hồ sơ kỹ thuật thửa đất ghi tên chủ sử dụng: Lê Thành T2.

+ Thửa đất số: 85, tờ bản đồ số: 01, diện tích: 252,8m^2, loại đất: ODT + BHK (Đất ở đô thị + đất bằng trồng cây hàng năm khác), hồ sơ kỹ thuật thửa đất ghi tên chủ sử dụng: Trương Thành N.

- Căn cứ phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 30/3/2019 (đối với nhà của bà Lê Thị N2 và nhà của ông Lê Thành T2).

- Diện tích thu hồi 04 thửa: 1.735,4m^2/2.101,9m^2.

- Nguồn gốc sử dụng đất: Đất do vợ chồng bà Đặng Thị Kim H tạo lập, thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc trước ngày 15/10/1993; thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc sau ngày 15/10/1993 trước năm 2001 và thời điểm hình thành nhà ở, vật kiến trúc sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014. Trong quá trình sử dụng gia đình bà H tự chia tách thửa đất (thời điểm chia tách thửa đất sau ngày 01/07/2004), gia đình bà H có sử dụng 1 phần đất nghĩa địa của tộc họ gia đình Bà để lập vườn sử dụng vào mục đích nông nghiệp, thời điểm sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014 và lấn chiếm đất đường đê, đất sông, thời điểm sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014 và lấn chiếm đất hoang, thời điểm lấn chiếm trước ngày 15/10/1993.

- Diện tích thu hồi: 1.735,4m^2 {(trong đó: diện tích 1365,1m^2 thì đối với diện tích 157,35m^2 là đất nghĩa địa của tộc họ gia đình bà H, thời điểm sử dụng sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014 (phần đất trống không có mộ), diện tích 20,43m^2 lấn chiếm đất sông, thời điểm lấn chiếm và hình thành vật kiến trúc sau năm 2001 trước ngày 01/07/2004, diện tích 1,68m^2 lấn chiếm đất đường đê, thời điểm lấn chiếm và hình thành vật kiến trúc sau năm 2001 trước ngày 01/07/2004, diện tích 1.185,64m^2 là đất do vợ chồng bà Đặng Thị Kim H tạo lập, thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc trước ngày 15/10/1993 (nhà của bà H đang sử dụng), thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014 (nhà của ông Lê Tuấn H5 đang sử dụng); diện tích 100,1m^2 là đất do vợ chồng bà Đặng Thị Kim H tạo lập, thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014 (nhà của bà Lê Thị N1 đang sử dụng); diện tích 94,0m^2 thì đối với diện tích 89,17m^2 là đất do vợ chồng bà Đặng Thị Kim H tạo lập, thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014, diện tích 4,83m2 là lấn chiếm đất hoang, thời

điểm lấn chiếm trước ngày 15/10/1993, thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014 (nhà của ông Lê Thành T2 đang sử dụng); diện tích 176,2m^2 thì đối với diện tích 1,32m^2 lấn chiếm đất sông, thời điểm lấn chiếm và hình thành nhà ở và vật kiến trúc sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014, diện tích 71,68m^2 lấn chiếm đất hoang, thời điểm lấn chiếm trước ngày 15/10/1993, thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014, diện tích 103,2m^2 là đất do vợ chồng bà Đặng Thị Kim H tạo lập, thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014 (nhà của ông Trương Thành N đang sử dụng)}".

Trên cơ sở xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường N, Hội đồng bồi thường GPMB thông qua phương án trình UBND thành phố Q ban hành các Quyết định:

+ Quyết định số 4030/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND thành phố Q về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ "hộ bà Đặng Thị Kim H" để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án hệ thống tiêu thoát lũ sông D, thành phố Q (đợt 13); theo đó: hộ bà Đặng Thị Kim H được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ với giá trị 4.393.698.475 đồng.

+ Quyết định số 4033/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND thành phố Q về việc thu hồi đất của hộ bà Đặng Thị Kim H để thực hiện dự án Hệ thống tiêu thoát lũ sông D, thành phố Q (đợt 13); theo đó: thu hồi 1.735,4m^2 đất của hộ bà Đặng Thị Kim H (địa chỉ tổ G, khu V, phường N), thuộc một phần thửa đất số 74, 83, 84, 85, tờ bản đồ số 01 (theo số liệu đo đạc thực tế), thuộc phường N, thành phố Q. Lý do thu hồi đất: để thực hiện dự án hệ thống tiêu thoát lũ sông D, thành phố Q;

+ Quyết định số 3520/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND thành phố Q về việc giao đất ở tái định cư cho hộ bà Đặng Thị Kim H để xây dựng nhà ở;

+ Quyết định 4446/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND thành phố Q về việc thu hồi Quyết định số 3520/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND thành phố Q và giao lại đất ở tái định cư cho hộ bà Đặng Thị Kim H để xây dựng nhà ở; theo đó: giao 01 lô đất tái định cư, số A, khu D, đường Đ (lộ giới 18 mét) và đường Đ (lộ giới 18 mét), diện tích là 232 m^2 (lô góc), tại Khu dân cư Đ, phường N, thành phố Q.

***** *Điều chỉnh tên phương án bồi thường, thu hồi đất, tái định cư:*

Ngày 28/7/2022, UBND phường N có báo cáo số 346/BC-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung báo cáo số 185/BC-UBND ngày 04/5/2022 của UBND phường N, với nội dung: "Hộ ông Lê Q (chết) - bà Đặng Thị Kim H (con dâu); ông Lê Tấn H1 (cháu);ông Lê Thành T2 (cháu);bà Lê Thị N2 (con); ông Trương Thành N (cháu) kê khai. Địa chỉ thửa đất: tổ G, khu V, phường N, TP Q. Hộ khẩu

thường trú: tổ G, khu V, phường N, TP Q. Số nhân khẩu đăng ký thường trú: 16 khẩu, số cặp vợ chồng sống trong hộ khẩu: 03, số nhân khẩu thực tế cư trú: 16.

* Thửa đất bị ảnh hưởng dự án:

- Bản đồ 299: gồm thửa đất số 34, tờ bản đồ số 01, diện tích: 1.650,0m^2, loại đất thổ cư và một phần thửa đất số 33, tờ bản đồ số 01, diện tích: 1.010,0m^2, loại đất hoang.

- Bản đồ năm 2001:

+ Một phần thửa đất 158, tờ bản đồ số 36, diện tích: 1709,4m^2, loại đất ở; hồ sơ kỹ thuật thửa đất ghi tên chủ sử dụng: Đặng Thị Kim H.

+ Một phần thửa đất 178, tờ bản đồ số 36, diện tích: 770,0m^2, loại đất nghĩa địa; hồ sơ kỹ thuật thửa đất ghi tên chủ sử dụng: UBND phường.

+ Không thể hiện thửa đất, thuộc tờ bản đồ số 36, loại đất sông.

+ Không thể hiện thửa đất, thuộc tờ bản đồ số 36, loại đất đường đê.

- Bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2021:

+ Thửa đất số: 74, tờ bản đồ số: 01, diện tích: 1.559,4m^2, loại đất: ODT + BHK (Đất ở đô thị + đất bằng trồng cây hàng năm khác), hồ sơ kỹ thuật thửa đất ghi tên chủ sử dụng: Lê Tuấn H5.

+ Thửa đất số: 83, tờ bản đồ số: 01, diện tích: 154,3m^2, loại đất: ODT + BHK (Đất ở đô thị + đất bằng trồng cây hàng năm khác), hồ sơ kỹ thuật thửa đất ghi tên chủ sử dụng: Lê Thị N2.

+ Thửa đất số: 84, tờ bản đồ số: 01, diện tích: 135,4m^2, loại đất: ODT + BHK (Đất ở đô thị + đất bằng trồng cây hàng năm khác), hồ sơ kỹ thuật thửa đất ghi tên chủ sử dụng: Lê Thành T2.

+ Thửa đất số: 85, tờ bản đồ số: 01, diện tích: 252,8m^2, loại đất: ODT + BHK (Đất ở đô thị + đất bằng trồng cây hàng năm khác), hồ sơ kỹ thuật thửa đất ghi tên chủ sử dụng: Trương Thành N.

- Căn cứ phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 30/3/2019 (đối với nhà của bà Lê Thị N2 và nhà của ông Lê Thành T2).

- Diện tích thu hồi 04 thửa: 1.735,4m^2/2.101,9m^2.

- Nguồn gốc sử dụng đất: Đất do gia đình của ông Lê Q tạo lập, thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc trước ngày 15/10/1993; thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc sau ngày 15/10/1993 trước năm 2001 và thời điểm hình thành nhà ở, vật kiến trúc sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014. Sau khi ông Lê Q chết các thành viên trong gia đình của ông Q tự phân chia tách thửa đất để sử dụng (thời điểm chia tách thửa đất sau ngày 01/07/2004), gia đình bà H có sử dụng 1 phần đất nghĩa địa của tộc họ gia đình Bà để lập vườn sử dụng vào mục đích nông nghiệp, thời điểm sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014 và lấn

chiếm đất đường đê, đất sông, thời điểm sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014 và lấn chiếm đất hoang, thời điểm lấn chiếm trước ngày 15/10/1993.

- Diện tích thu hồi: 1.735,4m^2 gồm:

+ Diện tích 1365,1m^2 thì đối với diện tích 157,35m^2 là đất nghĩa địa của tộc họ gia đình ông Lê Q, thời điểm sử dụng sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014 (phần đất trống không có mộ), diện tích 20,43m^2 lấn chiếm đất sông, thời điểm lấn chiếm và hình thành vật kiến trúc sau năm 2001 trước ngày 01/07/2004, diện tích 1,68m^2 lấn chiếm đất đường đê, thời điểm lấn chiếm và hình thành vật kiến trúc sau năm 2001 trước ngày 01/07/2004, diện tích 1.185,64m^2 là đất do gia đình của ông Lê Q tạo lập, thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc trước ngày 15/10/1993 (nhà của bà H đang sử dụng), thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014 (nhà của ông Lê Tuấn H5 đang sử dụng).

+ Diện tích 100,1m^2 là đất do gia đình của ông Lê Q tạo lập, thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014 (nhà của bà Lê Thị N1 đang sử dụng).

+ Diện tích 94,0m^2 thì đối với diện tích 89,17m^2 là đất do gia đình của ông Lê Q tạo lập, thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014, diện tích 4,83m^2 là lấn chiếm đất hoang, thời điểm lấn chiếm trước ngày 15/10/1993, thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014 (nhà của ông Lê Thành T2 đang sử dụng).

+ Diện tích 176,2m^2 thì đối với diện tích 1,32m^2 lấn chiếm đất sông, thời điểm lấn chiếm và hình thành nhà ở và vật kiến trúc sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014, diện tích 71,68m^2 lấn chiếm đất hoang, thời điểm lấn chiếm trước ngày 15/10/1993, thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014, diện tích 103,2m^2 là đất do gia đình của ông Lê Q tạo lập, thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014 (nhà của ông Trương Thành N đang sử dụng)".

Trên cơ sở điều chỉnh nguồn gốc đất của UBND phường N, Hội đồng bồi thường GPMB thông qua phương án trình UBND thành phố ban hành các Quyết định:

+ Quyết định số 6887/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của UBND thành phố về việc điều chỉnh tên đối tượng bị ảnh hưởng GPMB thực hiện dự án hệ thống tiêu thoát lũ sông D, thành phố Q; theo đó: Điều chỉnh tên đối tượng bị ảnh hưởng GPMB tại Quyết định số 4030/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 và Quyết định số 4033/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND thành phố từ "hộ bà Đặng Thị Kim H" thành "Hộ ông Lê Q (chết) - bà Đặng Thị Kim H (con dâu); ông Lê Tấn H1 (cháu);ông Lê Thành T2 (cháu);bà Lê Thị N2 (con); ông Trương Thành N (cháu) kê khai". Các nội dung khác không thay đổi.

+ Quyết định số 6888/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của UBND thành phố về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án hệ thống tiêu thoát lũ sông D, thành phố Q; theo đó: bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê Q (chết) - bà Đặng Thị Kim H (con dâu); ông Lê Tấn H1 (cháu);ông Lê Thành T2 (cháu);bà Lê Thị N2 (con); ông Trương Thành N (cháu) kê khai, giá trị bổ sung: 6.641.206 đồng.

+ Quyết định số 8494/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND thành phố về việc điều chỉnh tên hộ gia đình, cá nhân tại Quyết định số 4446/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND thành phố Q; theo đó: Điều chỉnh tên hộ gia đình, cá nhân tại Quyết định giao đất tái định cư số 4446/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND thành phố từ "hộ bà Đặng Thị Kim H" thành "Hộ ông Lê Q (chết) - bà Đặng Thị Kim H (con dâu); ông Lê Tấn H1 (cháu); ông Lê Thành T2 (cháu); bà Lê Thị N2 (con); ông Trương Thành N (cháu) đại diện kê khai". Các nội dung khác không thay đổi.

**/ Về chi trả tiền bồi thường, giao trả mặt bằng:*

Căn cứ vào Giấy đăng ký nhận tiền của các người con của ông Lê Q (chết). Hội đồng bồi thường GPMB đã tổ chức chi trả tiền cho hộ, cụ thể:

+ Ngày 29/9/2022, Hộ ông Lê Q (chết): do ông Lê Tấn H1, ông Lê Thành T2, bà Lê Thị N2 và ông Trương Thành N đại diện đã ký nhận số tiền 1.418.927.776 đồng (tiền chi trả bồi thường đợt 1) để giao trả mặt bằng và cam kết không khiếu nại.

+ Ngày 21/10/2022, ông Lê Tấn H1, ông Lê Thành T2, bà Lê Thị N2, ông Trương Thành N, ông Lê Đình H4, ông Lê Đình P và bà Lê Thị L1 đại diện đã ký nhận số tiền: 2.908.244.700 đồng (tiền chi trả bồi thường lần 2) và cam kết không khiếu nại.

+ Ngày 27/9/2022, bà Lê Thị N2 đại diện đã ký nhận số tiền: 6.641.206 đồng (tiền chi trả bồi thường còn lại) và cam kết không khiếu nại.

Tổng số tiền hộ đã nhận là 4.333.813.682 đồng.

Sau khi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ hộ đã chấp hành tháo dỡ nhà cửa, công trình và giao trả mặt bằng cho Nhà nước để thi công xây dựng công trình hệ thống tiêu thoát lũ sông D.

**/ Về tái định cư:* Ngày 11/11/2022, Tổ công tác GPMB đã mời hộ gia đình ra hiện trường để tổ chức cắm mốc, bàn giao giao lô đất tái định cư xây dựng nhà ở (có xác lập biên bản). Hiện, hộ chưa xây nhà, chưa nộp tiền sử dụng đất tái định cư theo quy định. UBND thành phố đã ban hành Thông báo 117/TB-BQL ngày 07/3/2024 về việc nộp tiền sử dụng đất tái định cư đối với hộ ông Lê Q (chết) - bà Đặng Thị Kim H (con dâu); ông Lê Tuấn H5 (cháu); ông Lê Thành T2 (cháu); bà Lê Thị N2 (con); ông Trương Thành N (cháu) đại diện kê khai do bị ảnh hưởng GPMB thực hiện dự án Hệ thống tiêu thoát lũ sông D, thành phố Q.

**/ Về giải quyết đơn thư khiếu nại:*

Kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND phường N: Ngày 28/12/2022, UBND phường N tổ chức đối thoại với bà Đặng Thị Kim H. Ngày 29/12/2022, UBND phường N ban hành Quyết định số: 1364/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với bà Đặng Thị Kim H với nội dung không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của bà Đặng Thị Kim H cho rằng "đất sử dụng của gia đình bà là đất thổ cư có chứng thư kiến điền đứng tên là Lê Văn L2 nhưng UBND phường N xác nhận là đất không có giấy tờ" vì nội dung khiếu nại của bà Đặng Thị Kim H không có cơ sở.

Kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố Q: Ngày 24/7/2024, UBND thành phố Q tổ chức đối thoại với bà Đặng Thị Kim H. Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 5371/QĐ-UBND ngày 04/9/2024 về việc giải quyết khiếu nại (*lần hai*) đối với bà Đặng Thị Kim H với nội dung: không công nhận nội dung đơn của bà Đặng Thị Kim H khiếu nại Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Chủ tịch UBND phường N. Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Chủ tịch UBND phường N về việc giải quyế khiếu nại (*lần đầu*) đối với bà Đặng Thị Kim H.

Qua kiểm tra toàn bộ hồ sơ vụ việc có liên quan, cho thấy việc bồi thường, hỗ trợ, thu hồi đất và tái định cư của hộ ông Lê Q (chết) - bà Đặng Thị Kim H (con dâu); ông Lê Tấn H1 (cháu); ông Lê Thành T2 (cháu); bà Lê Thị N2 (con); ông Trương Thành N (cháu) đại diện kê khai liên quan đến dự án hệ thống tiêu thoát lũ sông D đã được UBND thành phố Q thực hiện đúng chính sách bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Do đó, việc bà bà Đặng Thị Kim H khởi kiện yêu cầu: Hủy Quyết định số 4033/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Q; Hủy Quyết định số 4030/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Q; Hủy Quyết định số 5371/QĐ-UBND ngày 04/9/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Q; Buộc UBND thành phố Q giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ cấp đất tái định cư cho gia đình bà Đặng Thị Kim H là không có cơ sở.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng*: *ông Võ Ngọc D1 – ***Phó*** Ban quản lý phường Q*:* Thống nhất với nội dung trình bày của ông Đặng Phan Tiến D2 - Phó Giám đốc Ban Q2 đất thành phố, tỉnh Bình Định tại Bản khai ngày 17/12/2024 và thống nhất với nội dung trình bày của người bị kiện nêu trên và không có ý kiến gì khác.

3.2. Ông Lê Tấn H1***, bà*** Huỳnh Thị H2***, ông*** Lê Thành T2***, bà*** Phan Thị Mỹ L***, bà*** Lê Thị N2***, ông*** Lê Văn T3***, ông*** Trương Thành N***, bà*** Đỗ Thị Lệ H3***, ông*** Lê Đình H4 ***thống nhất trình bày:*** Nguyên trước ngày giải phóng (năm 1975) gia đình tôi có tạo lập 03 thửa đất có số hiệu 251, 252, 253, tổng diện tích là 2.535m^2,

có giấy tờ Chứng Thư Kiến Điền do Ty Điền địa tỉnh Bình Định cấp năm 1963 đứng tên ông Nguyễn L3 (em ruột cha tôi) để lại cho gia đình tôi sử dụng 03 thửa đất nêu trên, tọa lạc tại tổ G, khu phố G, phường N, TP ., Bình Định, gia đình tôi liên tục sử dụng (03) thửa đất này cất nhà ở từ trước năm 1975 đến nay hơn 50 năm, ổn định không có tranh chấp với cá nhân hoặc nhà nước. Vào năm 2022 Ủy ban nhân dân T thu hồi 03 thửa đất này của gia đình tôi để làm Dự án hệ thống thoát lũ Sông Dinh, có thâm dụng vào 03 thửa đất của gia đình tôi tổng diện tích là 1.735, 4m, nhưng U cho rằng nguồn gốc đất của gia đình tôi là đất khai hoang không có giấy tờ về đất, nên quá trình giải quyết việc bồi thường, hổ trợ, cấp đất tái định cư không đúng quy định của nhà nước, làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của gia đình. Do đó, không đồng ý với nội dung giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ, cấp đất tái định cư của U nên gia đình tôi tiếp tục khởi kiện đến Tòa án để giải quyết theo quy định. Chúng tôi thống nhất theo nội dung đơn khởi kiện của bà Đặng Thị Kim H và thống nhất theo nội dung trình bày giải quyết của ông Trần Duy T (là người Đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị Kim H) trong vụ án này.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2025/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, 2, 3, 4 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194; Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính.

Căn cứ Điều 62; Điều 74; Điều 75 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ vào quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T6 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T6 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B; Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Căn cứ Điểm g khoản 2 Điều 5 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ "Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai".

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Kim H đối với yêu cầu hủy:

- Quyết định số 4033/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND thành phố Q.

- Một phần Quyết định số 4030/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND thành phố Q.

- Quyết định 1364/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 V/v giải quyết khiếu nại của bà Đặng Thị Kim H (lần đầu).

- Quyết định số 5371/QĐ-UBND ngày 04/9/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Q V/v giải quyết khiếu nại của bà Đặng Thị Kim H (lần hai).

- Công văn số 527/UBND-ĐCXD ngày 17/11/2022 của UBND phường N V/v trả lời đơn của bà Đặng Thị Kim H.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị Kim H buộc UBND thành phố Q (nay là UBND phường Q, tỉnh Gia Lai) giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ cấp đất tái định cư cho gia đình bà.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/10/2025, bà Đặng Thị Kim H có đơn kháng cáo và ngày 09/10/2025, bà H có đơn kháng cáo bổ sung. Nội dung kháng cáo của bà H đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Ông Trần Duy T, là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện bà Đặng Thị Kim H, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án cho rằng: Toà án cấp sơ thẩm đã xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Kim H là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của bà Đặng Thị Kim H và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính:

Công văn số 527/UBND-ĐC-XD ngày 17/11/2022 của UBND phường N, thành phố Q *V/v trả lời đơn của bà* Đặng Thị Kim H (***viết tắt là Công văn 527***); Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Chủ tịch UBND phường N, thành phố Q *V/v giải quyết khiếu nại của bà* Đặng Thị Kim H (***viết tắt là Quyết định 1364***); Quyết định số 4033/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND thành phố Q *V/v thu hồi đất của bà* Đặng Thị Kim H *để thực hiện dự án Hệ thống thoát lũ* sông D, thành phố Q *(đợt 13)* (***viết tắt là Quyết định 4033***)**;** Một phần Quyết định số 4030/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND thành phố Q *V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án hệ thống tiêu thoát lũ* sông D, thành phố Q *đợt 13: Bồi thường, hỗ trợ đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc và cây trồng của các hộ gia đình cá nhân thuộc địa bàn* phường N (***viết tắt là Quyết định 4030***); Quyết định số 5371/QĐ-UBND ngày 04/9/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Q *V/v giải quyết khiếu nại của bà* Trần Thị Kim H6 (***viết tắt là Quyết định 5371***). Đây là những quyết định hành chính của cơ quan có thẩm quyền ban hành mà người khởi kiện cho rằng các quyết định đó xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự nên các quyết định này là đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính. Do đó, vụ án được Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai thụ lý và giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30; Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Đối với yêu cầu buộc UBND thành phố Q ***(nay là*** UBND phường Q***) giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ, cấp đất tái định cư cho gia đình bà*** Đặng Thị Kim H: Yêu cầu này của bà H không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án mà chỉ là hệ quả của việc xem xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của các Quyết định hành chính bị khởi kiện nêu trên.

[1.2]. Quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện:

Sau khi nhận được Quyết định thu hồi đất, các Quyết định giải quyết khiếu nại nói trên, vào các ngày 05/11/2024 và 15/11/2024, bà Đặng Thị Kim H nộp đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung. Do đó, việc khởi kiện của bà H còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[1.3]. Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện theo uỷ quyền của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện ông Ngô Tôn T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Võ Ngọc D1 - Phó Giám đốc Ban quản lý dự án phường Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H2, bà Lê Thị N2, ông Lê Văn T3, ông Trương Thành N, bà Đỗ Thị Lệ H3, ông Lê Đình H7 vắng mặt. Xét việc các ông, bà H2, N2, T3, N, H3, H7 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người này.

[2]. Xét kháng cáo của bà Đặng Thị Kim H**, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:**

[2.1]. Xét về trình tự thủ tục, thời hiệu, thời hạn và thẩm quyền ban hành các quyết định:

Để thực hiện dự án Hệ thống tiêu thoát lũ sông D, thành phố Q, Ủy ban nhân dân thành phố Q đã ban hành Quyết định thu hồi đất của hộ bà Đặng Thị Kim H. Thu hồi 1.735,4m^2 của bà H thuộc một phần thửa đất số 74, 83, 84, 85, tờ bản đồ số 1 (theo số liệu đo đạc thực tế) thuộc phường N, thành phố Q (Nay là Quy Nhơn B, tỉnh Gia Lai) và Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án hệ thống tiêu thoát lũ sông D, thành phố Q (đợt 13): Bồi thường, hỗ trợ về đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc và cây trồng của các hộ gia đình, cá nhân thuộc địa bàn phường N. Không đồng ý với Quyết định trên, bà H đã khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q. Như vậy các Quyết định trên được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thời hạn, thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; 52; 56 Luật tổ chức chính quyền địa phương; Điều 62, 66, 67, 69 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17; 18 Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2]. Xét yêu cầu hủy một phần Quyết định số 4030 và Quyết định số 4033, thấy rằng:

[2.2.1] Về căn cứ ban hành 02 quyết định 4030 và 4033:

- *Về nguồn gốc sử dụng đất:* Đất do vợ chồng bà Đặng Thị Kim H tạo lập, thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc trước ngày 15/10/1993; thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc sau ngày 15/10/1993 trước năm 2001 và thời điểm hình thành nhà ở, vật kiến trúc sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014. Trong quá trình sử dụng gia đình bà H tự chia tách thửa đất (thời điểm chia tách thửa đất sau ngày 01/07/2004), gia đình bà H có sử dụng 1 phần đất nghĩa địa của tộc họ gia đình Bà để lập vườn sử dụng vào mục đích nông nghiệp, thời điểm sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014 và lấn chiếm đất đường đê, đất sông, thời điểm sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014 và lấn chiếm đất hoang, thời điểm lấn chiếm trước ngày 15/10/1993.

- *Diện tích thu hồi:* 1.735,4m^2 trong đó: Diện tích 1365,1m^2 thì đối với diện tích 157,35m^2 là đất nghĩa địa của tộc họ gia đình bà H, thời điểm sử dụng sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014 (phần đất trống không có mộ), diện tích 20,43m^2 lấn chiếm đất sông, thời điểm lấn chiếm và hình thành vật kiến trúc sau

năm 2001 trước ngày 01/07/2004, diện tích 1,68m^2 lấn chiếm đất đường đê, thời điểm lấn chiếm và hình thành vật kiến trúc sau năm 2001 trước ngày 01/07/2004, diện tích 1.185,64m^2 là đất do vợ chồng bà Đặng Thị Kim H tạo lập, thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc trước ngày 15/10/1993 (nhà của bà H đang sử dụng), thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014 (nhà của ông Lê Tuấn H5 đang sử dụng); diện tích 100,1m^2 là đất do vợ chồng bà Đặng Thị Kim H tạo lập, thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014 (nhà của bà Lê Thị N2 đang sử dụng); diện tích 94,0m^2 thì đối với diện tích 89,17m^2 là đất do vợ chồng bà Đặng Thị Kim H tạo lập, thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014; diện tích 4,83m^2 là lấn chiếm đất hoang, thời điểm lấn chiếm trước ngày 15/10/1993, thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014 (nhà của ông Lê Thành T2 đang sử dụng); diện tích 176,2m^2 thì đối với diện tích 1,32m^2 lấn chiếm đất sông, thời điểm lấn chiếm và hình thành nhà ở và vật kiến trúc sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014, diện tích 71,68m^2 lấn chiếm đất hoang, thời điểm lấn chiếm trước ngày 15/10/1993, thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014; diện tích 103,2m^2 là đất do vợ chồng bà Đặng Thị Kim H tạo lập, thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014 (nhà của ông Trương Thành N đang sử dụng).

[2.2.2] Do đó, ngày 22/6/2022, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 4033/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà Đặng Thị Kim H để thực hiện dự án Hệ thống tiêu thoát lũ sông D, thành phố Q (đợt 13); theo đó: thu hồi 1.735,4m^2 đất của hộ bà Đặng Thị Kim H (địa chỉ tổ G, khu V, phường N), thuộc một phần thửa đất số 74, 83, 84, 85, tờ bản đồ số 01 (theo số liệu đo đạc thực tế), thuộc phường N, thành phố Q. Lý do thu hồi đất: Để thực hiện dự án hệ thống tiêu thoát lũ sông D, thành phố Q.

Cùng ngày 22/6/2022, UBND thành phố Q tiếp tục ban hành Quyết định số 4030/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ "hộ bà Đặng Thị Kim H" để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án hệ thống tiêu thoát lũ sông D, thành phố Q (đợt 13); theo đó: hộ bà Đặng Thị Kim H được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ với giá trị 4.393.698.475 đồng (bao gồm đất: 2.891.400.700đ; nhà: 1.329.707.085đ; Vật kiến trúc: 29.463.865đ; cây trồng: 118.626.825đ; các khoản hỗ trợ khác: 24.500.000 đồng).

[2.2.3] Trên cơ sở điều chỉnh nguồn gốc đất của UBND phường N, Hội đồng bồi thường GPMB thông qua phương án trình UBND thành phố ban hành các Quyết định: 6887/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của UBND thành phố về việc điều chỉnh tên đối tượng bị ảnh hưởng GPMB thực hiện dự án hệ thống tiêu thoát lũ sông D, thành phố Q; theo đó: Điều chỉnh tên đối tượng bị ảnh hưởng GPMB tại Quyết định số 4030/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 và Quyết định số 4033/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND thành phố từ "hộ bà Đặng Thị Kim H" thành

"Hộ ông Lê Q (chết) - bà Đặng Thị Kim H (con dâu); ông Lê Tấn H1 (cháu); ông Lê Thành T2 (cháu); bà Lê Thị N2 (con); ông Trương Thành N (cháu) kê khai". Các nội dung khác không thay đổi; Quyết định số 6888/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của UBND thành phố về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án hệ thống tiêu thoát lũ sông D, thành phố Q; theo đó: bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê Q (chết) - bà Đặng Thị Kim H (con dâu); ông Lê Tấn H1 (cháu);ông Lê Thành T2 (cháu); bà Lê Thị N2 (con); ông Trương Thành N (cháu) kê khai, giá trị bổ sung: 6.641.206 đồng; Quyết định số 8494/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND thành phố về việc điều chỉnh tên hộ gia đình, cá nhân tại Quyết định số 4446/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND thành phố Q; theo đó: Điều chỉnh tên hộ gia đình, cá nhân tại Quyết định giao đất tái định cư số 4446/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND thành phố từ "hộ bà Đặng Thị Kim H" thành "Hộ ông Lê Q (chết) - bà Đặng Thị Kim H (con dâu); ông Lê Tấn H1 (cháu); ông Lê Thành T2 (cháu); bà Lê Thị N2 (con); ông Trương Thành N (cháu) đại diện kê khai". Các nội dung khác không thay đổi.

[2.2.4] Như vậy, việc ban hành Quyết định số 4033/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 về việc thu hồi đất của hộ bà Đặng Thị Kim H để thực hiện dự án Hệ thống tiêu thoát lũ sông D, thành phố Q (đợt 13) và Quyết định số 4030/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ "hộ bà Đặng Thị Kim H" để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án hệ thống tiêu thoát lũ sông D, thành phố Q (đợt 13) của UBND thành phố Q là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[2.3]. Xét yêu cầu hủy Công văn số 527; Quyết định số 1364; Quyết định 5371, thấy rằng:

[2.3.1] Về thẩm quyền ban hành Công văn số 527: Ngày 04/5/2022, UBND phường N có báo cáo số 185/BC-UBND về nguồn gốc sử dụng đất của tổ chức và hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất, nhà cửa, vật kiến trúc bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án: Hệ thống tiêu thoát lũ sông D phường N, thành phố Q, trong đó có trường hợp hộ bà Đặng Thị Kim H và các con, em, cháu cùng kê khai Lê Tấn H1; Lê Thành T2; Lê Thị N2; Trương Thành N; Ngày 28/07/2022 UBND phường N có báo cáo số 346/BC-UBND, về việc điều chỉnh, bổ sung báo cáo số 185/BC-UBND ngày 04/05/2022 của UBND phường N, về nguồn gốc sử dụng đất của Hộ ông Lê Q (chết) bà Đặng Thị Kim H (con dâu); ông Lê Tấn H1 (cháu); ông Lê Thành T2 (cháu); bà Lê Thị N2 (con); ông Trương Thành N (cháu) đại diện kê khai bị thu hồi dất, nhà cửa, vật kiến trúc do bị ảnh hưởng GPMB để thực hiện dự án: Hệ thống tiêu thoát lũ sông D phường N, thành phố Q. UBND phường N đã chuyển báo cáo cho Ban Q3 để áp giá bồi thường cho Hộ ông Lê Q (chết) - bà Đặng Thị Kim H (con dâu); Ông Lê Tấn H1 (cháu); ông Lê Thành T2 (cháu), bà Lê Thị Thanh N2 (con), ông Trương Thành N (cháu đại diện kê khai theo quy định. Việc bà Đặng Thị Kim H (con dâu) kiến nghị UBND phường N xem xét lại

nguồn gốc sử dụng đất bị ảnh hưởng dự án: Hệ thống tiêu thoái lũ sông D thuộc phường N là không có cơ sở để UBND phường N xem xét giải quyết vì hiện tại các con hộ ông Lê Q đã thống nhất và nhận tiền bồi thường giao trả mặt bằng không có ý kiến gì. Do đó, UBND phường N đã ban hành Công văn số 527 V/v trả lời đơn của bà Đặng Thị Kim H là phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 2 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.3.2] Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 1364: Qua rà soát bồi thường, hỗ trợ xác nhận nguồn gốc sử dụng đất là của hộ ông Lê Q (chết)- bà Đặng Thị Kim H (con dâu); ông Lê Tấn H1, ông Lê Tấn T5, Trương Thành N (các cháu), bà Lê Thị N2 (con), qua xác minh cho thấy bà Đặng Thị Kim H không đứng tên kê khai diện tích nào trong 4 thửa đất bị ảnh hưởng GPMB của ông Lê Q và cũng không có tài sản liên quan trên đất bị ảnh hưởng GPMB. Theo UBND phường N, đất bị ảnh hưởng GPMB nói trên có nguồn gốc đất do gia đình ông Lê Q tạo lập. Bà H không chứng minh được phần diện tích ghi trên Chứng thư kiến điền là đất đang bị GPMB và diện tích đất, loại đất được ghi trong đó có được hộ gia đình bà sử dụng ổn định, không có tranh chấp và quá trình sử dụng có mang tính liên tục đến thời điểm sử dụng. Hơn nữa, theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh B về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh có quy định: *"Khi sử dụng các loại giấy tờ quy định tại Khoản 5 Điều này phải theo nguyên tắc hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định, được UBND cấp xã xác nhận không có tranh chấp; trường hợp trên giấy tờ đó ghi tên người khác thì phải được UBND cấp xã xác nhận quá trình sử dụng đất liên tục đến thời điểm sử dụng các giấy tờ trên để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng; trường hợp giấy tờ không ghi rõ diện tích đất ở (hoặc thổ cư) thì phải căn cứ vào xác nhận của UBND cấp xã về thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích đất ở để xác định diện tích đủ điều kiện bồi thường đất ở"*. Do đó, việc bà Đặng Thị Kim H làm đơn khiếu nại và sử dụng Chứng thư kiến điền để chứng minh việc sử dụng đất của bà là có giấy tờ sử dụng đất là không có cơ sở vì Chứng thư kiến ghi "*Kẻ kế thế* Lê Văn L2 *và vợ*" (ông L2 là em ruột của ông nội chồng bà H). Vì vậy, việc UBND phường N ban hành Quyết định số: 1364/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 về việc giải quyết khiếu nại (*lần đầu*) đối với bà Đặng Thị Kim H với nội dung không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của bà Đ là có căn cứ, đúng quy định.

[2.3.3] Về thẩm quyền ban hành Quyết định 5371: Trên cơ sở kết quả xác minh và đề xuất giải quyết nội dung đơn khởi kiện, tại Văn bản số 111/BC-TTr ngày 11/6/2024 và 191/BC-TCT ngày 18/8/2023 về việc đề xuất giải quyết đơn của bà Đặng Thị Kim H và Chủ tịch UBND phường N xác nhận nguồn gốc đất sử dụng đối với diện tích đất bị ảnh hưởng bởi dự án và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu. Qua đó, không công nhận toàn bộ đơn của bà H yêu cầu xem xét lại nguồn gốc sử dụng đất là đúng quy định pháp luật. Ngày 24/7/2024, UBND thành phố Q tổ chức đối thoại với bà Đặng Thị Kim H. Chủ tịch UBND

thành phố Q ban hành Quyết định số 5371/QĐ-UBND ngày 04/9/2024 về việc giải quyết khiếu nại (*lần hai*) đối với bà Đặng Thị Kim H với nội dung: Không công nhận nội dung đơn của bà Đặng Thị Kim H khiếu nại Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Chủ tịch UBND phường N. Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Chủ tịch UBND phường N về việc giải quyết khiếu nại (*lần đầu*) đối với bà Đặng Thị Kim H là phù hợp.

Do đó, việc bà bà Đặng Thị Kim H khởi kiện yêu cầu hủy: Công văn số 527/UBND-ĐCXD ngày 17/11/2022 của UBND phường N V/v trả lời đơn của bà Đặng Thị Kim H; Quyết định 1364/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 V/v giải quyết khiếu nại của bà Đặng Thị Kim H (lần đầu); Quyết định số 4033/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND thành phố Q; Hủy một phần Quyết định số 4030/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND thành phố Q; Hủy Quyết định số 5371/QĐ-UBND ngày 04/9/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Q; Buộc UBND thành phố Q giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ cấp đất tái định cư cho gia đình bà Đặng Thị Kim H là không có cơ sở.

[2.3.4] Tại giai đoạn phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện cung cấp 03 Chứng thư kiến điền do Ty Điền địa tỉnh Bình Định cấp năm 1963 mang tên ông Lê Văn L2 và cho rằng diện tích đất thể hiện trong chứng thư kiến điền là trùng khớp với diện tích đất gia đình bà H sử dụng, đồng thời cung cấp một số giấy xác nhận của các nhân chứng xác định ông Lê Văn L2 (em ruột ông nội chồng bà H) chết để lại cho cha chồng bà H là ông Lê Q, sau đó ông Q chết thì để lại cho vợ chồng bà H. Tuy nhiên, không có căn cứ thể hiện rằng gia đình ông Lê Q là cha chồng bà H và vợ chồng bà H được hưởng thừa kế hoặc nhận tặng cho từ ông Lê Văn L2 đối với diện tích ghi trong chứng thư kiến điền theo các thủ tục được pháp luật quy định.

[2.3.5] Từ những nội dung nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, Toà án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Kim H đối với yêu cầu: hủy Quyết định số 4033/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND thành phố Q; huỷ một phần Quyết định số 4030/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND thành phố Q; huỷ Quyết định 1364/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 V/v giải quyết khiếu nại của bà Đặng Thị Kim H (lần đầu); huỷ Quyết định số 5371/QĐ-UBND ngày 04/9/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Q V/v giải quyết khiếu nại của bà Đặng Thị Kim H (lần hai); Huỷ Công văn số 527/UBND-ĐCXD ngày 17/11/2022 của UBND phường N V/v trả lời đơn của bà Đặng Thị Kim H và không chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị Kim H buộc UBND thành phố Q (nay là UBND phường Q, tỉnh Gia Lai) giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ cấp đất tái định cư cho gia đình bà là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà Đặng Thị Kim H kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do bà Đặng Thị Kim H là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện bà Đặng Thị Kim H và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2025/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

2. Căn cứ khoản 1, 2, 3, 4 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194; Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 62; Điều 74; Điều 75 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T6 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T6 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B; Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B;

Căn cứ Điểm g khoản 2 Điều 5 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ "Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai";

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Kim H đối với yêu cầu hủy:

- Quyết định số 4033/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND thành phố Q.

- Một phần Quyết định số 4030/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND thành phố Q.

- Quyết định 1364/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 V/v giải quyết khiếu nại của bà Đặng Thị Kim H (lần đầu).

- Quyết định số 5371/QĐ-UBND ngày 04/9/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Q V/v giải quyết khiếu nại của bà Đặng Thị Kim H (lần hai).

- Công văn số 527/UBND-ĐCXD ngày 17/11/2022 của UBND phường N V/v trả lời đơn của bà Đặng Thị Kim H.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị Kim H buộc UBND thành phố Q (nay là UBND phường Q, tỉnh Gia Lai) giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ cấp đất tái định cư cho gia đình bà.

3. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Đặng Thị Kim H.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Anh Dũng